

Thứ hai, ngày 13 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tăng điểm trở lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/4/2020		•	
Tuần 13/4-17/4/2020		•	
Tháng 4/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index ghi nhận mức tăng điểm tích cực nhờ một số cổ phiếu trụ cột như VHM, GAS, VJC, SAB, TCB có mức bứt phá ấn tượng. Đến phiên chiều, đà tăng của chỉ số bị thu hẹp lại khi áp lực chốt lời xuất hiện. Tuy vậy, lực kéo của VRE, VPB, VJC giúp cho thị trường vẫn giữ được sắc xanh. Tâm lý nhà đầu tư duy trì ở mức tích cực với 230 mã cổ phiếu tăng giá và thanh khoản giữ ở mức trung bình. Thỏa thuận cắt giảm 9.7 triệu thùng dầu/ ngày của OPEC+ trong thời gian sắp tới cũng có tác động tích cực tới nhóm ngành Dầu khí. Với khả năng thị trường có thể sẽ rung lắc khi gặp ngưỡng cản 780 điểm trong các phiên tới, nhà đầu tư có thể cân nhắc chốt lời một phần danh mục.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 670 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/4/2020, hầu hết chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_3.5%

Phân tích kỹ thuật: MWG_ Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+7.85 điểm**, đóng cửa 765.79. HNX-Index **0.98 điểm**, đóng cửa 107.16.
- Kéo chỉ số tăng: **VRE (+6.93%); VJC (+6.03%); VIC (+1.05%); VPB (+6.97%); HVN (+6.80%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-3.49%); VNM (-0.50%); PLX (-0.98%); PHR (-2.03%); DMC 6.07%)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,060 tỷ đồng**, **-6%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 12.09 điểm. Thị trường có 230 mã tăng, 41 mã tham chiếu và 119 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **247.64 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (83.53 tỷ), BID (58.24 tỷ) và HDB (49.99 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **15.39 tỷ đồng**.

VN-INDEX 765.79

Giá trị: 3060.25 tỷ

7.85 (1.04%)

Khối ngoại (ròng): -247.64 tỷ

HNX-INDEX 107.16

Giá trị: 382.69 tỷ

0.98 (0.92%)

Khối ngoại (ròng): -15.39 tỷ

UPCOM-INDEX 50.86

Giá trị: 173.62 tỷ

0.23 (0.45%)

Khối ngoại (ròng): -8.62 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	23.1	1.27%
Giá vàng	1,690	-0.37%
Tỷ giá USD/VND	23,436	-0.39%
Tỷ giá EUR/VND	25,626	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,707	0.45%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	-2.68%
LS TPCP 5 năm	2.6%	-5.38%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	24.3	VIC	-83.6
HPG	14.4	BID	-58.3
VCB	14.0	HDB	-49.9
HCM	11.4	MSN	-21.0
NLG	10.8	VPB	-16.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn bán khoản với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

Tìm hiểu thêm

Sử dụng i-Invest tại đây

[Bản công bố rủi ro](#)

[Link](#)

[Hướng dẫn sử dụng](#)

[Video giới thiệu danh mục Chủ đề](#)

[Link](#)

[Link](#)

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	1 ngày		1 tuần		1 tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	21	9	12	8	13	8	13
Mục tiêu	9	5	4	5	4	1	8
Rủi ro	3	0	3	1	2	2	1

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

13/4/2020

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

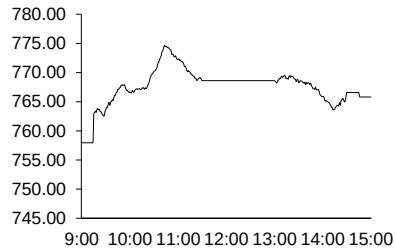
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_3.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Độ lệch chuẩn
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm (ước tính)	
Chủ đề	9/21 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
(Click để xem báo cáo)								
Chiến tranh thương mại	3.5%	6.8%	-0.8%	-23.6%	-26.2%		-0.1%	17.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.3%	7.6%	2.4%	-17.9%	-21.3%	-32.4%	1.2%	22.4%
VN Diamond	2.0%	2.6%	-6.5%	-23.7%			1.7%	22.0%
Dầu khí	1.8%	7.4%	3.4%	-32.1%	-34.5%		21.5%	15.5%
Corona Avengers	1.8%	11.0%	7.5%				21.5%	15.5%
VN FinSelect	1.7%	1.9%	-6.8%	-19.3%			1.7%	22.0%
Xây dựng	1.7%	2.2%	-1.9%	-20.5%	-33.0%		1.7%	22.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.6%	2.8%	-5.8%	-23.1%	-28.3%		-0.1%	17.3%
Ngân Hàng	1.5%	0.6%	-6.3%	-17.3%	-17.7%	-12.6%	1.7%	22.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.3%	1.7%	-6.9%	-24.9%	-26.0%	-20.6%	1.7%	22.0%
Lãi suất giảm	1.2%	4.1%	-6.8%	-22.1%	-28.0%		1.6%	19.0%
FTSE Việt Nam	1.2%	4.4%	0.7%	-17.7%			21.5%	15.5%
Cổ phiếu ngành Dược	1.2%	4.2%	5.8%				-0.1%	17.3%
Vật liệu Xây dựng	1.1%	4.9%	-0.2%	-18.7%	-22.4%		1.7%	22.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.0%	3.1%	-0.4%	-19.6%			-0.1%	17.3%
Hàng tiêu dùng	1.0%	7.8%	-2.6%	-21.6%	-30.8%	-24.4%	21.5%	15.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.9%	5.3%	-3.7%	-20.4%	-23.8%	-22.7%	1.2%	22.4%
Stay-at-home	0.9%	2.4%	-8.4%				1.7%	22.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.8%	1.3%	0.1%	-14.0%	-12.2%		21.5%	15.5%
Nước & Năng lượng	0.7%	3.3%	5.8%	-18.4%	-22.9%		1.7%	22.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.6%	4.3%	1.9%	-18.3%	-21.6%		1.7%	22.0%
Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
L22	2.0%	5.2%	-1.1%	-23.2%	-27.5%	-28.6%	27.9%	19.4%
S32	1.9%	6.8%	-3.6%	-25.6%	-29.5%	-21.2%	21.4%	22.0%
S21	1.6%	4.3%	-1.8%	-21.1%	-22.3%	-11.5%	22.1%	19.7%
M22	1.5%	3.4%	-1.8%	-18.3%	-21.4%	-8.3%	36.6%	18.7%
S11	1.4%	5.6%	1.6%	-14.0%	-16.1%	-9.4%	37.2%	18.6%
L32	1.1%	5.1%	-2.4%	-26.4%	-27.7%	-30.0%	50.4%	20.9%
L11	1.0%	4.5%	-2.1%	-20.8%	-24.1%	-12.5%	19.6%	17.1%
M31	0.7%	3.8%	-2.2%	-20.5%	-23.7%	-15.4%	20.7%	20.7%
M12	0.6%	2.2%	-2.2%	-17.5%	-22.4%	-23.5%	46.9%	20.0%
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
HIGH3	0.8%	3.1%	-2.1%	-16.0%	-20.5%	-5.0%	60.5%	18.7%
LOW1	0.3%	2.7%	0.8%	-17.0%	-20.1%	-19.3%	17.3%	16.9%
MID1	0.1%	4.8%	2.5%	-15.4%	-22.3%	-12.0%	20.8%	17.2%
INDEX								
VNINDEX	1.4%	4.3%	-0.1%	-19.8%	-22.2%	-22.2%	6.4%	16.7%
VN30INDEX	1.8%	3.7%	-1.5%	-19.2%	-22.6%	-21.3%	2.2%	17.2%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

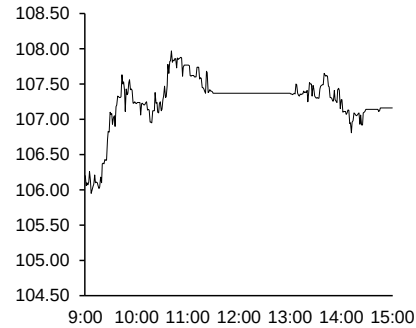
Vũ Quốc Khánh
khanhvuq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	5.7%
Bán lẻ	3.8%
Tài nguyên Cơ bản	2.5%
Truyền thông	1.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.2%
Ngân hàng	1.2%
Bất động sản	1.1%
Y tế	0.9%
Dịch vụ tài chính	0.8%
Bảo hiểm	0.8%
Xây dựng và Vật liệu	0.5%
Công nghệ Thông tin	0.2%
Hóa chất	0.1%
Viễn thông	0.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.0%
Ô tô và phụ tùng	-0.3%
Dầu khí	-0.3%
Thực phẩm và đồ uống	-0.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

MWG_ Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, chạm kênh Bollinger trên.

Nhận định: MWG đang nằm trong nhịp hồi phục sau khi chạm ngưỡng đáy 60. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với thấy nhịp tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã chạm lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đang hình thành. MWG nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng giá 90 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 75 và chốt lãi ngắn hạn tại vùng giá 88-90. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 70.



Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

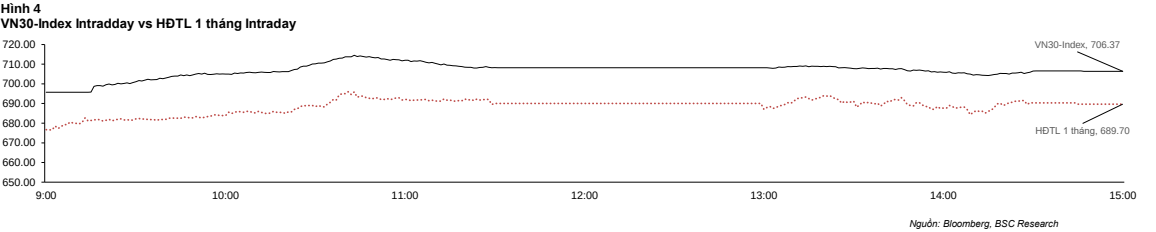
KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	689.70	1.13%	-16.67	-3.6%	202,584	4/16/2020	5
VN30F2005	679.70	0.62%	-26.67	154.5%	7,605	5/21/2020	40
VN30F2006	674.90	0.39%	-31.47	7.5%	144	6/18/2020	68
VN30F2009	675.00	0.30%	-31.37	-76.4%	74	9/17/2020	159

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng tích cực 10.63 điểm lên mức 706.37 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VJC, TCB, MWG, và HPG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng mạnh trong phiên sáng lên gần 715 điểm, sau đó điều chỉnh giảm xuống quanh 705 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 705-720 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2004 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2005 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn, điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 670 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2004	SSI	5/14/2020	31	1:1	306,930	-48.2%	3.0 triệu	37.86%	4,100	200	233.33%	51.00	3.92
CVRE2002	HSC	6/22/2020	70	4:1	448,570	1829.3%	5.0 triệu	37.62%	1,400	120	71.43%	49.30	2.43
CVPB2001	HSC	6/22/2020	70	2:1	296,390	81.0%	5.0 triệu	37.86%	1,500	1,200	60.00%	690.20	1.74
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	100	1:1	125,710	3106.9%	1.5 triệu	37.86%	2,200	1,500	40.19%	909.20	1.65
CVRE2001	KIS	9/21/2020	161	4:1	168,300	645.0%	8.0 triệu	37.62%	1,500	400	33.33%	70.40	5.68
CMWG2001	HSC	6/22/2020	70	10:1	676,500	29.3%	5.0 triệu	36.79%	1,700	80	33.33%	2.20	36.36
CMWG2004	SSI	6/15/2020	63	1:1	131,620	500.2%	1.0 triệu	36.79%	13,600	400	33.33%	76.30	5.24
CVRE2003	KIS	12/16/2020	247	2:1	43,060	343.9%	3.0 triệu	37.62%	3,000	1,430	26.55%	268.20	5.33
CDPM2001	KIS	6/19/2020	67	2:1	189,950	683.0%	2.0 triệu	34.71%	1,000	880	25.71%	288.00	3.06
CHPG2004	SSI	6/15/2020	63	1:1	88,710	-37.4%	5.0 triệu	32.21%	2,800	480	23.08%	106.20	4.52
CHPG2002	KIS	12/16/2020	247	2:1	107,660	241.2%	3.0 triệu	32.21%	1,700	730	8.96%	84.70	8.62
CSBT2001	KIS	12/16/2020	247	1:1	110,740	-29.9%	2.0 triệu	32.47%	2,900	960	5.49%	158.40	6.06
CHDB2003	KIS	12/16/2020	247	2:1	80,040	36.4%	2.0 triệu	33.31%	2,700	700	1.45%	83.90	8.34
CNVL2001	KIS	12/16/2020	247	4:1	41,000	274.8%	2.0 triệu	17.77%	2,300	1,470	0.00%	77.10	19.07
CSTB2002	KIS	12/16/2020	247	1:1	111,860	-63.2%	3.0 triệu	36.02%	1,700	1,230	-0.81%	351.10	3.50
CSTB2001	KIS	6/19/2020	67	1:1	285,230	51.2%	5.0 triệu	36.02%	1,500	440	-2.22%	83.30	5.28
CVHM2001	KIS	12/16/2020	247	5:1	20,050	165.6%	2.0 triệu	33.56%	3,100	1,740	-3.33%	286.50	6.07
CFPT1908	MBS	6/17/2020	65	3:1	82,620	38.5%	2.4 triệu	30.38%	3,150	400	-4.76%	146.00	2.74
CVNM2002	KIS	12/16/2020	247	5:1	126,510	836.4%	3.0 triệu	27.60%	3,200	1,340	-6.94%	186.60	7.18
CMSN2001	KIS	12/16/2020	247	5:1	34,000	-48.7%	2.0 triệu	30.82%	2,300	2,000	-12.66%	747.70	2.67
CVJC2001	KIS	12/16/2020	247	10:1	16,560	-70.1%	2.0 triệu	26.12%	2,400	1,000	-23.08%	51.10	19.57
Tổng:					3,492,010		66.90 triệu	33.49%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/4/2020, hầu hết chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

- Về giá, CVPB2003 và CVRE2003 tăng mạnh lần lượt là 40.19% và 26.55%. Trái lại, CVJC2001 và CMSN2001 giảm mạnh lần lượt là -23.08% và -12.66%. Giá trị giao dịch tăng 46.48%. CVPB2001 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.12% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CDPM2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CDPM2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	19.95	6.97	3.02
VJC	115.70	6.05	2.35
TCB	17.20	2.69	1.39
MWG	75.00	4.60	1.32
HPG	19.35	2.93	1.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	58.1	-3.49	-1.34
VNM	99.1	-0.50	-0.38
SSI	13.2	-1.13	-0.07
PLX	40.4	-0.98	-0.06
ROS	4.1	-0.49	-0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2004	28,100	24,000	19,950
CVRE2002	37,600	32,000	25,450
CVPB2001	23,000	20,000	19,950
CVPB2003	24,200	22,000	19,950
CVRE2001	42,789	36,789	25,450
CMWG2001	132,000	115,000	75,000
CMWG2004	24,100	10,500	75,000
CVRE2003	43,999	37,999	25,450
CDPM2001	16,567	14,567	13,850
CHPG2004	26,300	23,500	19,350
CHPG2002	33,399	29,999	19,350
CSBT2001	24,011	21,111	14,000
CHDB2003	37,523	32,123	20,200
CNVL2001	75,088	65,888	52,000
CSTB2002	13,588	11,888	9,040
CSTB2001	12,499	10,999	9,040
CVHM2001	110,067	94,567	67,300
CFPT1908	63,450	54,000	46,500
CVNM2002	157,111	141,111	99,100
CMSN2001	77,289	65,789	58,100
CVJC2001	197,137	173,137	115,700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	75.0	4.6%	1.1	1,477	7.2	8,655	8.7	2.7	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	57.6	0.0%	1.3	564	2.1	5,361	10.7	2.8	48.9%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	46.3	0.5%	1.4	1,493	1.4	1,632	28.3	1.8	28.8%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.8	0.3%	0.6	309	0.1	2,623	11.7	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	96.0	1.1%	0.8	14,118	5.9	2,310	41.6	4.2	14.4%	11.7%
VRE	Bất động sản	25.5	6.9%	1.1	2,514	2.6	1,226	20.8	2.1	31.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.0	0.0%	0.8	2,192	0.7	3,552	14.6	2.3	6.0%	16.6%
REE	Bất động sản	30.4	0.2%	0.9	410	0.8	5,287	5.8	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.1	0.1%	1.4	204	0.5	2,850	3.2	0.7	41.8%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.2	-1.1%	1.4	344	2.1	1,787	7.4	0.7	51.7%	9.9%
VCI	Chứng khoán	18.0	2.3%	1.0	129	0.3	4,240	4.2	0.7	34.8%	18.0%
HCM	Chứng khoán	15.5	0.3%	1.7	206	1.4	1,421	10.9	1.1	53.8%	11.7%
FPT	Công nghệ	46.5	0.2%	0.8	1,378	2.5	4,631	10.0	2.3	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	42.5	0.0%	0.4	460	0.0	4,812	8.8	2.2	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	68.0	1.3%	1.5	5,659	3.1	6,092	11.2	2.7	3.4%	25.4%
PLX	Dầu khí	40.4	-1.0%	1.5	2,089	2.4	3,495	11.5	2.1	13.2%	19.6%
PVS	Dầu khí	12.3	0.8%	1.7	256	3.5	1,777	6.9	0.5	15.3%	7.1%
BSR	Dầu khí	5.8	0.0%	0.8	782	0.8	898	6.5	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	89.2	0.0%	0.6	507	0.1	4,668	19.1	3.5	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	13.9	1.1%	0.7	236	1.7	774	17.9	0.7	17.8%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.2	-3.0%	0.6	143	0.4	592	10.5	0.5	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	70.8	0.3%	1.2	11,417	3.2	5,003	14.2	3.2	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	37.2	0.7%	1.6	6,496	1.7	2,366	15.7	2.0	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	19.6	0.8%	1.3	3,173	3.6	2,541	7.7	1.0	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	20.0	7.0%	1.2	2,114	4.0	3,379	5.9	1.2	23.3%	21.5%
MBB	Ngân hàng	15.8	1.3%	1.1	1,651	4.3	3,476	4.5	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.0	1.0%	1.0	1,446	1.7	3,694	5.4	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	39.6	-0.1%	0.9	141	0.3	5,165	7.7	1.3	79.5%	17.2%
NTP	Nhựa	30.1	1.7%	0.3	128	0.1	4,167	7.2	1.2	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	1.4%	0.6	641	0.0	356	41.9	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	19.4	2.9%	1.1	2,323	7.5	2,588	7.5	1.1	36.5%	17.1%
HSG	Thép	5.7	0.9%	1.6	104	1.1	1,161	4.9	0.4	17.7%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	99.1	-0.5%	0.7	7,503	4.9	5,478	18.1	6.3	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	141.0	0.0%	0.8	3,931	0.2	7,477	18.9	4.8	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	58.1	-3.5%	1.0	2,953	5.5	4,772	12.2	1.6	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	14.0	3.7%	0.7	357	1.0	508	27.6	1.2	6.0%	4.4%
ACV	Vận tải	54.4	2.8%	0.8	5,149	0.8	2,630	20.7	3.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	115.7	6.0%	1.1	2,635	1.2	7,889	14.7	4.0	18.7%	28.7%
HAV	Vận tải	23.6	6.8%	1.7	1,452	1.8	1,640	14.4	1.8	9.5%	12.8%
GMD	Vận tải	16.7	1.8%	0.9	216	0.3	1,602	10.4	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.2	0.0%	0.9	112	0.7	2,398	3.8	0.6	28.5%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	57.1	-2.6%	1.0	397	1.6	8,824	6.5	2.6	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	15.8	-0.6%	0.7	307	0.1	1,453	10.8	1.1	13.2%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.2	-0.8%	0.9	202	0.0	1,941	6.3	0.9	6.4%	14.1%
CTD	Xây dựng	53.5	0.0%	1.2	177	0.3	8,859	6.0	0.5	46.4%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.7	0.4%	0.6	474	0.2	1,548	16.0	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	18.7	1.4%	0.3	201	0.6	760	24.5	0.9	46.1%	3.7%
POW	Điện	8.8	3.2%	0.6	896	3.6	1,028	8.6	0.8	12.2%	9.4%
NT2	Điện	18.3	-0.5%	0.6	229	0.4	2,560	7.1	1.3	17.5%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VRE	25.45	6.93	1.10	2.38MLN
VJC	115.70	6.05	1.02	241950.00
VIC	96.00	1.05	0.97	1.41MLN
VPB	19.95	6.97	0.91	4.61MLN
HVN	23.55	6.80	0.61	1.75MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-0.70	2.11MLN	1.11MLN
VNM	0.00	-0.25	1.13MLN	607060.00
PLX	0.00	-0.15	1.33MLN	373600.00
PHR	0.00	-0.03	394240.00	192700.00
DMC	-0.01	-0.03	677100.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DRH	4.29	6.98	0.01	776850.00
VPB	19.95	6.97	0.91	4.61MLN
TNA	15.35	6.97	0.01	509860.00
MSH	31.55	6.95	0.03	510650.00
BHN	47.00	6.94	0.20	13720.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	2.79	-7.00	0.00	17460.00
VNL	13.45	-6.92	0.00	680.00
TCR	2.97	-6.90	0.00	20.00
ABS	30.50	-6.87	-0.02	23580.00
CMV	15.60	-6.87	0.00	1240.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	17.80	1.71	0.40	3.26MLN
ACB	20.00	1.01	0.32	1.93MLN
SHS	9.00	9.76	0.12	2.96MLN
SHN	7.20	9.09	0.07	5200.00
DGC	22.80	2.24	0.04	169200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	57.10	-2.56	-0.05	638300.00
NET	43.00	-6.93	-0.05	4100.00
NVB	8.10	-1.22	-0.04	1.09MLN
TAR	28.80	-5.57	-0.03	303000.00
PTI	19.00	-5.00	-0.02	500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

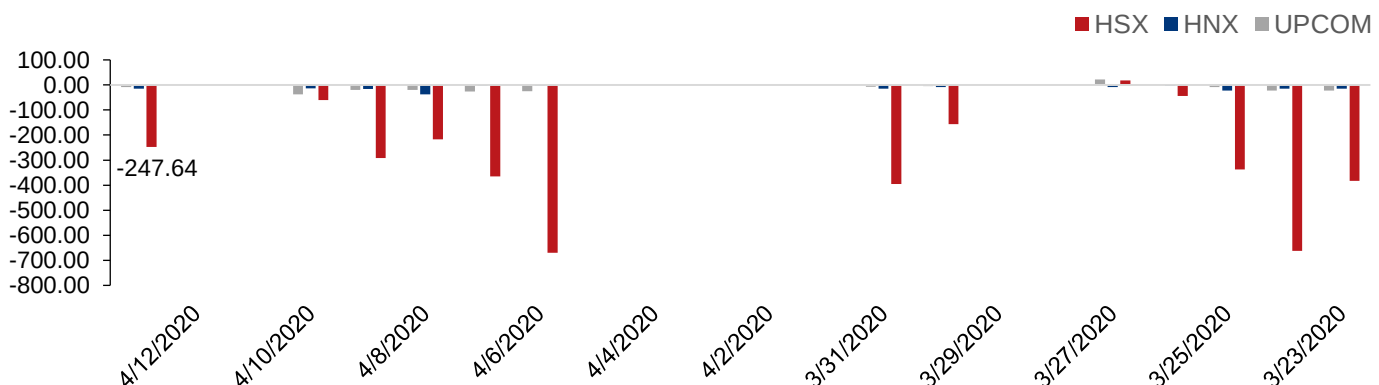
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MEC	1.00	11.1	0.00	100.00
MPT	1.00	11.1	0.00	391900.00
PVX	1.00	11.1	0.02	978700.00
TPP	12.10	10.0	0.01	100.00
SFN	23.20	10.0	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.30	-25.00	0.00	204800.00
KVC	0.70	-12.50	-0.01	237300.00
CLM	16.20	-10.00	-0.01	100.00
DNY	1.80	-10.00	0.00	100.00
VSM	10.20	-9.73	0.00	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



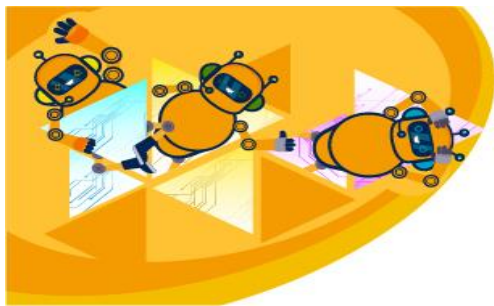
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	16.7	1,602	10.4	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.0	3,694	5.4	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	11.9	1,954	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	141.0	7,477	18.9	4.8	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	20.2	1,688	11.9	1.4	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	99.1	5,478	18.1	6.3	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.7	2,690	4.0	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	75.0	8,655	8.7	2.7	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	25.7	7,380	3.5	1.0	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	46.5	4,631	10.0	2.3	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	17.1	2,109	8.1	1.2	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	22.0	3,897	5.6	1.0	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	89.2	4,668	19.1	3.5	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.7	4,313	5.7	1.2	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	57.6	5,361	10.7	2.8	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.2	2,398	3.8	0.6	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	153.3	14,782	10.4	4.2	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.9	0	22.3	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	75.0	8,655	8.7	2.7	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	20.0	3,694	5.4	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNTT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc giảm trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn